

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219/2018/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ TÁM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thí điểm sắp xếp một số tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2021;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế

Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Bãi bỏ các Nghị quyết: số 114/2008/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2008 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định chế độ trợ cấp đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, tổ chức xã hội tại xã, phường, thị trấn, khóm, ấp và hỗ trợ kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 16/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp; số 48/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2011 về cơ cấu tổ chức và mức phụ cấp đối với thành viên Ban Bảo vệ dân phố phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 50/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2011 về mức trợ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và cán bộ Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; số 143/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khóm thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá IX, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPQH, VPCP (I,II);
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- TT/TU, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các ban và cơ quan của Tỉnh uỷ;
- Các tổ chức CT-XH Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- TT.HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn và ở ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 219/2018/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và ở ấp, khóm; kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và một số tổ chức thành viên ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở ấp, khóm; các chức danh thuộc Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở ấp, khóm; Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở cấp xã; công an viên; bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn và ở khóm; lực lượng dân quân ở cấp xã; ấp đội trưởng, khóm đội trưởng.

Chương II NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở ẤP, KHÓM

Mục 1

SỐ LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở ẤP, KHÓM

Điều 3. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- a) Cấp xã loại 1: không quá 15 người.
- b) Cấp xã loại 2: không quá 12 người.
- c) Cấp xã loại 3: không quá 10 người.

2. Sắp xếp

Căn cứ vào số lượng các chức danh người hoạt động không chuyên trách hiện có của cấp xã, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá năng lực từng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, sắp xếp, bố trí các chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đảm bảo đến cuối năm 2019

số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm cả lực lượng công an chính quy được điều động về giữ chức vụ Phó Trưởng Công an cấp xã.

Điều 4. Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

1. Bí thư Chi bộ ấp, khóm hoặc Bí thư Đảng uỷ bộ phận ấp, khóm (đối với các ấp, khóm thành lập Đảng bộ bộ phận)

2. Trưởng ấp, khóm.

3. Trưởng ban công tác Mặt trận ấp, khóm.

Điều 5. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

Mỗi ấp, khóm bố trí tối đa không quá 03 người.

Mục 2

MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở ẤP, KHÓM

Điều 6. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở và được trợ cấp thêm với mức sau:

a) Tốt nghiệp đại học: trợ cấp tương đương hệ số 1,34 so với mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: trợ cấp tương đương hệ số 1,10 so với mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: trợ cấp tương đương hệ số 0,86 so với mức lương cơ sở.

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

3. Phó Trưởng Công an xã ngoài mức hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

4. Đối với thị trấn chưa bố trí công an chính quy thì Phó Trưởng Công an thị trấn được hưởng chế độ, chính sách như Phó Trưởng Công an xã quy định tại Điều này.

5. Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngoài mức hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

6. Mức trợ cấp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 7. Mức phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm

Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở và được trợ cấp thêm với mức sau:

1. Tốt nghiệp đại học: trợ cấp tương đương hệ số 1,34 so với mức lương cơ sở.
2. Tốt nghiệp cao đẳng: trợ cấp tương đương hệ số 1,10 so với mức lương cơ sở.
3. Tốt nghiệp trung cấp: trợ cấp tương đương hệ số 0,86 so với mức lương cơ sở.

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

Điều 8. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm thấp hơn số lượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm (đồng thời) thì hàng tháng được hưởng thêm mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau:

- a) Kiêm nhiệm một chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 mức lương cơ sở.
- b) Kiêm nhiệm hai chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,5 mức lương cơ sở.
- c) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu trung ương có quy định về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã thì thực hiện theo quy định của trung ương, không thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm (đồng thời) chức danh khác của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm thấp hơn số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm (đồng thời) thì hàng tháng được hưởng thêm mức phụ cấp kiêm nhiệm (đồng thời) như sau:

- a) Kiêm nhiệm một chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 mức lương cơ sở.
- b) Kiêm nhiệm hai chức danh thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,5 mức lương cơ sở.

3. Bí thư Chi bộ ấp, khóm hoặc Bí thư Đảng uỷ bộ phận ấp, khóm đồng thời là Trưởng ấp, khóm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 1,0 mức lương cơ sở.

4. Trưởng ban công tác Mặt trận ấp, khóm đồng thời là Phó Bí thư Chi bộ ấp, khóm hoặc Phó Bí thư Đảng uỷ bộ phận ấp, khóm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,8 mức lương cơ sở.

5. Một người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh.

6. Mức phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Chương III MẶT TRẬN TỔ QUỐC, ĐOÀN THỂ

Điều 9. Khoản kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cấp xã như sau:

1. Mặt trận Tổ quốc: tối thiểu 400.000 đồng/tháng.

2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi: tối thiểu 300.000 đồng/tổ chức/tháng.

Điều 10. Mức trợ cấp hàng tháng đối với chức danh của đoàn thể ở cấp xã và ở ấp, khóm

1. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên cấp xã được hưởng trợ cấp tương đương hệ số 0,5 mức lương cơ sở.

2. Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi Hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi Hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh ở ấp, khóm được hưởng trợ cấp tương đương hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

Chương IV CÔNG AN VIÊN

Điều 11. Số lượng công an viên xã, thị trấn

Công an viên xã, thị trấn bao gồm: Công an viên thường trực tại xã, thị trấn và Công an viên xã, thị trấn phụ trách ấp, khóm.

1. Công an viên làm nhiệm vụ thường trực ở xã, thị trấn: mỗi xã, thị trấn được bố trí không quá 03 công an viên.

2. Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 1, loại 2, xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được bố trí không quá 02 công an viên (một công an viên có thể kiêm nhiệm Phó Trưởng ấp, khóm). Mỗi ấp, khóm thuộc đơn vị hành chính cấp xã loại 3 được bố trí 01 công an viên (có thể kiêm nhiệm Phó Trưởng ấp, khóm).

Điều 12. Mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên

1. Công an viên tốt nghiệp trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở và được trợ cấp thêm với mức sau:

a) Tốt nghiệp đại học: trợ cấp tương đương hệ số 1,34 so với mức lương cơ sở.

b) Tốt nghiệp cao đẳng: trợ cấp tương đương hệ số 1,10 so với mức lương cơ sở.

c) Tốt nghiệp trung cấp: trợ cấp tương đương hệ số 0,86 so với mức lương cơ sở.

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên thực hiện theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

2. Công an viên chưa qua đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

3. Công an viên ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về công an xã.

Điều 13. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Công an viên (phụ trách ấp, khóm) có thể kiêm nhiệm Phó Trưởng ấp, khóm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,5 mức lương cơ sở.

Chương V

BẢO VỆ DÂN PHỐ Ở PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ Ở KHÓM; LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN Ở CẤP XÃ; ÁP ĐỘI TRƯỞNG, KHÓM ĐỘI TRƯỞNG

Điều 14. Tổ chức Bảo vệ dân phố

1. Ban Bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn thành lập 01 Ban Bảo vệ dân phố gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố.

2. Tổ Bảo vệ dân phố: Mỗi khóm thành lập 02 Tổ Bảo vệ dân phố, mỗi Tổ Bảo vệ dân phố gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và 03 Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố.

Điều 15. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Bảo vệ dân phố

1. Ban Bảo vệ dân phố

a) Trưởng ban: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở;

b) Phó Trưởng ban: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,55 so với mức lương cơ sở.

2. Tổ Bảo vệ dân phố

a) Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

b) Tổ phó được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,45 so với mức lương cơ sở.

c) Tổ viên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

3. Thành viên Ban Bảo vệ dân phố, Tổ Bảo vệ dân phố ngoài mức phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về Bảo vệ dân phố.

Điều 16. Lực lượng dân quân ở cấp xã

Tổ chức và hoạt động của lực lượng dân quân ở cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 17. Chế độ, chính sách đối với dân quân

1. Dân quân được hưởng chế độ, chính sách trong trường hợp sau:

a) Khi được huy động làm nhiệm vụ.

b) Thực hiện quyết định điều động của cấp có thẩm quyền.

2. Dân quân thường trực được trợ cấp ngày công lao động hệ số 0,08 so với mức lương cơ sở.

3. Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, nếu tiếp tục được kéo dài thời hạn tham gia thực hiện nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định, khi được huy động làm nhiệm vụ được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm, mức trợ cấp tăng thêm hệ số 0,04 so với mức lương cơ sở.

4. Lực lượng dân quân ở cấp xã ngoài mức trợ cấp ngày công lao động được hưởng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 18. Mức phụ cấp hàng tháng đối với Áp Đội trưởng, Khóm Đội trưởng.

1. Áp Đội trưởng, Khóm Đội trưởng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

2. Áp Đội trưởng, Khóm Đội trưởng có thể kiêm nhiệm Phó Trưởng ấp, khóm và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 0,5 mức lương cơ sở.

Chương VI HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 19. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội

Công an viên cấp xã, dân quân thường trực tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được ngân sách hỗ trợ 100% mức đóng thấp nhất (tương ứng với mức thu nhập hàng tháng bằng mức lương cơ sở).

Điều 20. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khóm, công an viên cấp xã tham gia bảo hiểm y tế với mức đóng bằng 4,5% mức lương cơ sở, trong đó ngân sách hỗ trợ đóng 3,0% và người lao động đóng 1,5%.

Chương VII
HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THÔI VIỆC ĐỐI VỚI
NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

Điều 21. Chế độ trợ cấp thôi việc và thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc

1. Chế độ trợ cấp thôi việc

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp lại tổ chức để thực hiện bố trí kiêm nhiệm các chức danh thì được hưởng trợ cấp 1,5 tháng tiền lương theo mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc cho mỗi năm công tác.

2. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc

a) Thời gian được tính hưởng chế độ trợ cấp thôi việc bao gồm toàn bộ thời gian công tác ở cấp huyện (nếu có) và cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc (nếu thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn).

b) Về cách tính tháng lẻ: Trường hợp thời gian công tác có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng đến 12 tháng được tính tròn là 01 năm; dưới 6 tháng được tính nửa năm.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Quy định này do ngân sách Trung ương và ngân sách Tỉnh đảm bảo.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh để xem xét, kiến nghị Hội đồng nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng